

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2024

V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng Văn Khiếu**

**Ông Nguyễn Ngọc Minh**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Lương Thùy Linh**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2024/QĐ-ST ngày 15-11-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L1, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Hiện tạm trú tại: Thôn 2, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

*(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L1, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

*(Vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 30-9-2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 15-10-2024, nguyên đơn là chị Quàng Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L ngày 26-8-2016. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn Đ hay uống rượu về đánh đập vợ con, chính quyền địa phương đã giải quyết mâu thuẫn giữa hai người

nhưng anh Nguyễn Văn Đ không thay đổi. Hai người đã sống ly thân, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Vì vậy chị Quàng Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung, chị Quàng Thị N xác định giữa hai người có 02 con chung là Nguyễn Thị L – sinh ngày 13-7-2016 và Nguyễn Thị Thu H - Sinh ngày 04-9-2018

Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị tại gia đình ông Quàng Văn T, bà Lò Thị E (*Là ông bà ngoại*) tại thôn 2, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Chị Quàng Thị N đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại anh Nguyễn Văn Đ có thu nhập không ổn định. Hiện nay chị Quàng Thị N đang làm thợ xây, có thu nhập bình quân là 8.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Quàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21-10-2024, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:* Anh và chị Quàng Thị N kết hôn vào ngày 26-8-2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống, đến cuối năm 2022 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay hai người đã sống ly thân. Anh Nguyễn Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Quàng Thị N.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ xác định hai người có 02 con chung như chị Quàng Thị N đã trình bày. Hiện nay các cháu đang sống cùng gia đình ông Quàng Văn T, bà Lò Thị E (*Là ông bà ngoại*) tại thôn 2, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Anh Nguyễn Văn Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 13-7-2016 và giao cho chị Quàng Thị N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04-9-2018. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn Đ xác định hiện nay đang làm bốc vác tại địa phương, có mức thu nhập bình quân là 3.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản và nợ chung, anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Đơn nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị L:* Thê hiện hiện nay cháu đang sinh sống và học tập tại bản N 2, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ngày 28-10-2024, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Sau phiên tiếp cận, công khai chứng cứ, chị Quàng Thị N có đơn từ chối hoà giải nên phiên họp không thể tiến hành được.

Ngày 19-11-2024, chị Quàng Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, do các đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và nội dung xác minh tại cơ sở thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Điều kiện, khả năng nuôi con của nguyên đơn đảm bảo hơn so với bị đơn và hiện nay các con đều đang sinh sống, học tập ổn định cùng nguyên đơn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn và giao cả hai con cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Do nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tình trạng hôn nhân, con chung và nơi cư trú của con chung các đương sự đều thừa nhận; Về thu nhập của mỗi bên đương sự đưa ra, phía bên kia đều không phản đối. Nên theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Được Tòa án sử dụng làm chứng cứ trong việc giải quyết vụ án.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cấp ngày 26-8-2016. Thẻ

hiện việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Quàng Thị N là hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022 và hai người đã ly thân. Đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Thể hiện hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, cần ghi nhận việc các đương sự tự nguyện ly hôn và căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Quàng Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các các giấy khai sinh, thể hiện: Chị Quàng Thị N và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị L - sinh ngày 13-7-2016 và Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 04-9-2018

Các đương sự cùng thừa nhận hiện nay cả hai cháu đang sinh sống, học tập cùng chị Quàng Thị N và ông bà ngoại tại thôn 2, xã N huyện S, tỉnh Lai Châu.

Do hiện nay các cháu đang sinh sống, học tập ổn định tại xã N huyện S, tỉnh Lai Châu, cháu Nguyễn Thị L có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy không nên chia tách các cháu ra khỏi môi trường sinh sống, học tập ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, môi trường giáo dục của các cháu. Đồng thời không nên chia tách các cháu để đảm bảo ổn định tâm lý và tình cảm của cả hai chị em. Mặt khác chị Quàng Thị N hiện có thu nhập cao hơn so với anh Nguyễn Văn Đ. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một cách tốt nhất. Cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị N, giao các cháu Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Thu H cho chị Quàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Quàng Thị N không yêu cầu nên anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do các đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được với nhau về con chung. Nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên :*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12 -

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Quàng Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị L - sinh ngày 13-7-2016 và Nguyễn Thị Thu H - Sinh ngày 04-9-2018 cho chị Quàng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Anh Nguyễn Văn Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.*

3. Về án phí: Chị Quàng Thị N phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0001948 ngày 01-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Quàng Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả 225.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị N anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Niêm yết, UBND xã T
- Lưu: Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Dũng**